

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị H, sinh năm 1974 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: ấp P, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: tổ 10 đường S, khu phố Ph 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: ông Lê Phước T, sinh năm 1971 (Vắng mặt không có lý do)

Nơi ĐKKHKT: ấp P, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: tổ 10 đường S, khu phố Ph 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị H như sau:

Bà H và ông Lê Phước T quen biết, tìm hiểu nhau được gần một năm thì ông bà quyết định kết hôn với nhau, ông bà có tổ chức đám cưới năm 1992 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang ngày 28/10/2022. Sau khi cưới, vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tiền của ai người đó xài, ông T tính tình rất khó khăn không cho bà đi đâu và còn tính toán chi li tiền bạc làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng; từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí ông T còn có hành vi bạo lực gia đình với bà. Cuộc sống hàng ngày vợ chồng không nói chuyện với nhau, bà đã suy nghĩ rất kỹ và bà cũng không còn tình cảm yêu thương dành cho ông T vì sống với ông T thì bà

rất khổ nên bà quyết định ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có hai người con chung tên Lê Thị Hồng Nh, sinh năm 1995 và Lê Quốc D, sinh năm 2002. Hai người con hiện nay đã trưởng thành và có gia đình sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H xác định là không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân bà H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Phước T. Về con chung bà H cho rằng hai người con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Lê Phước T không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông T không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Phước T. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Phước T. Bị đơn có địa chỉ tại tổ 10 đường S, khu phố Ph 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xác định quan hệ pháp luật “ly hôn” và Tòa án nhân dân huyện Gò Quao thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lê Phước T với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Phước T có quen biết, tìm hiểu nhau được gần một năm thì quyết định kết hôn, ông bà có tổ chức đám cưới năm 1992 nhưng ông bà đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang ngày 28/10/2022 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà H được ly hôn với ông T vì lý do hai người không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tiền của ai người đó xài, ông T tính tình rất khó khăn không cho bà đi đâu và còn tính toán chi li tiền bạc làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng; từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí ông T còn có hành vi bạo lực gia đình. Cuộc sống hàng ngày vợ chồng không nói chuyện với nhau, bà đã suy nghĩ rất kỹ nên bà H quyết định ly hôn với anh T. Đối với ông T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng ông bà hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà H cho rằng không thể hàn gắn đời sống hôn nhân được nữa và bà cũng không còn tình cảm với ông T, bà H cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với ông T. HĐXX thấy rằng, sau thời gian chung sống vợ chồng giữa bà H, ông T mới phát sinh sự bất đồng quan điểm, hai người không nhường nhịn lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và hai người không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp.

[3] Về con chung: bà H khai vợ chồng bà có hai người con chung tên Lê Thị Hồng Nh, sinh năm 1995 và Lê Quốc D, sinh năm 2002. Hai con đã trưởng thành và có gia đình sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Đối với bị đơn ông Lê Phước T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T từ chối nhận và không ký xác nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án căn cứ khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành lập biên bản về việc ông T từ chối nhận và có xác nhận của chính quyền địa phương theo quy định. Đồng thời, ông T cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: bằng 300.000 đồng bà H phải nộp do yêu cầu của bà được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 177, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Phước T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Miễn xét

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Lê Thị H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006027 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí HNST.

4. Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 18/9/2024. Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA